

Số: 148/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 05 tháng 8 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 632/2026/TLST- VDS ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1979, số căn cước công dân: 072079013117 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 29/9/2022. Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường G, tỉnh Tây Ninh.

2/ Chị Trịnh Thị Tuyết P1, sinh năm 1989, số căn cước công dân: 075189024418 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/08/2021. Địa chỉ: thường trú: Tổ B, ấp H, xã X, thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ M, số E đường P, khu phố A, phường L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Thanh P và chị Trịnh Thị Tuyết P1 đều thống nhất vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai (Nay là UBND xã X, thành phố Đ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2013, quyển số 01/2014 vào ngày 29/9/2014. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Phạm Thanh P và chị Trịnh Thị Tuyết P1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Phúc H, sinh ngày 28/11/2015 và cháu Phạm Phúc An N, sinh ngày 10/4/2017. Khi ly hôn, thống nhất giao cháu Phạm Phúc H, sinh ngày 28/11/2015 cho chị P1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao

Phạm Phúc An N, sinh ngày 10/4/2017 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: anh Phạm Thanh P và chị Trịnh Thị Tuyết P1 tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh P và chị Trịnh Thị Tuyết P1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Phúc H, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2015 cho chị Trịnh Thị Tuyết P1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Phúc An N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2017 cho anh Phạm Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời chị P1, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Thanh P, chị Trịnh Thị Tuyết P1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh Phạm Thanh P, chị Trịnh Thị Tuyết P1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Phạm Thanh P và chị Trịnh Thị Tuyết P1 tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh P, chị P1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000824 ngày 10/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Anh P, chị P1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai.;
- UBND xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai (Số 107/2013, quyền số 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hương

